



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU**

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG II/2017



HÀ NỘI, THÁNG III/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2017.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ.....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ.....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên.....	9
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2017.....	12
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III, IV và V/2017.....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng II/2017 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,7^{\circ}\text{C}$ đến $3,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -46mm đến 379mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -76 giờ đến 84 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -15% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng II/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

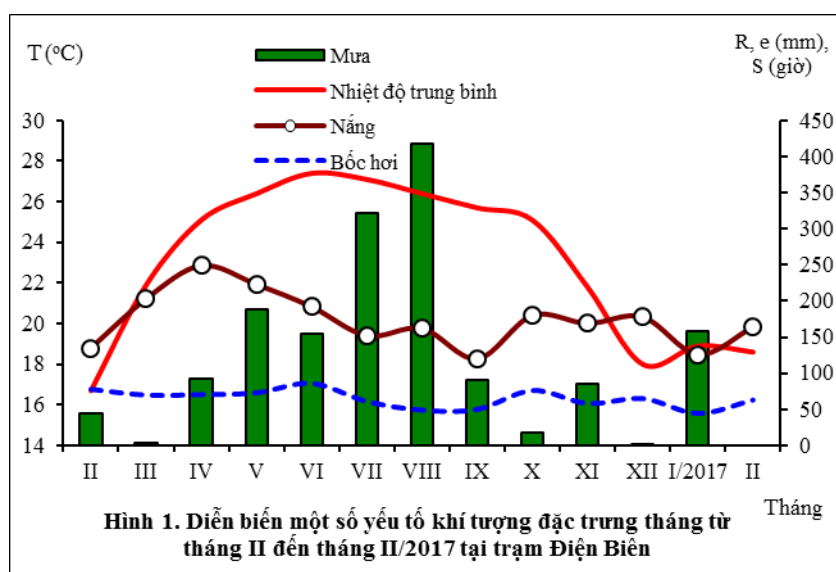
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,5$ đến $2,4^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $11,9^{\circ}\text{C}$ đến $19,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $8,8^{\circ}\text{C}$ đến $16,9^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $5,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/II tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $16,3^{\circ}\text{C}$ đến $26,9^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $35,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 22/II tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -32mm đến -6mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Điện Biên

trong khoảng từ 5mm đến 30mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 20mm.
- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 11 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -41 giờ đến 32 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 66 giờ đến 164 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2017 dao động từ 63% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -15% đến 3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 22/II tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng II/2017 có giá trị phổ biến từ 36mm đến 98mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (7mm đến 93mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 9mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện 1 ngày ở Yên Châu, Sông Mã với cường độ nhẹ
- Mưa phùn xuất hiện 7 ngày tại Mộc Châu.
- Đông xuất hiện ở 1 số nơi từ 1 - 2 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng II/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 10,2⁰C đến 19,8⁰C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 7,9⁰C đến 19,6⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 3,5⁰C xảy ra vào ngày 12/II tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 13,3⁰C đến 23,4⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 31,5⁰C xảy ra vào ngày 22/II tại Than Uyên.

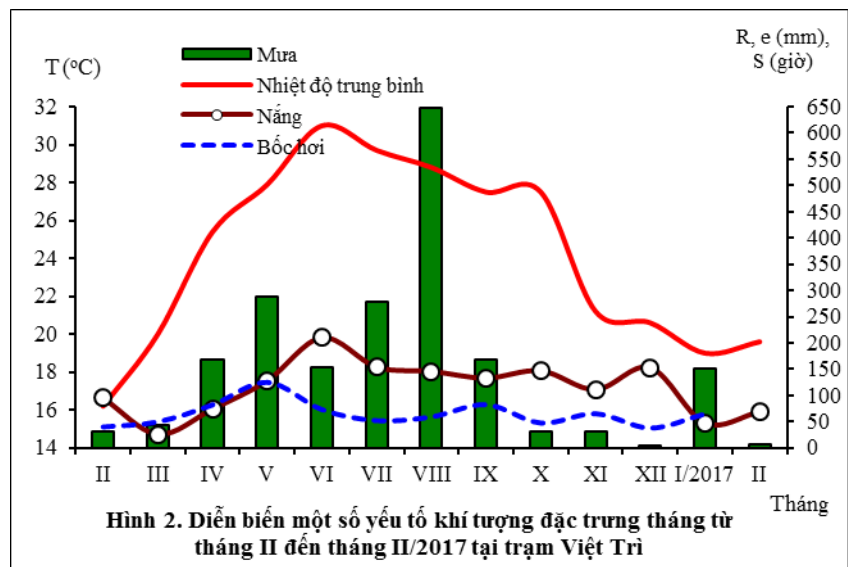
2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 6mm đến 46mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-46mm đến -10mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4mm đến 39mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 1 - 18 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 24 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 44 giờ đến 145 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-36 giờ đến 29 giờ) (hình 12).



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Việt Trì

- Độ ẩm không khí trung bình tháng

II/2017 phổ biến từ 72 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-10% đến 4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32%, xảy ra vào ngày 5/II tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 34mm đến 86mm, cao nhất là 112mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 80mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 8mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 7 ngày.

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 2 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

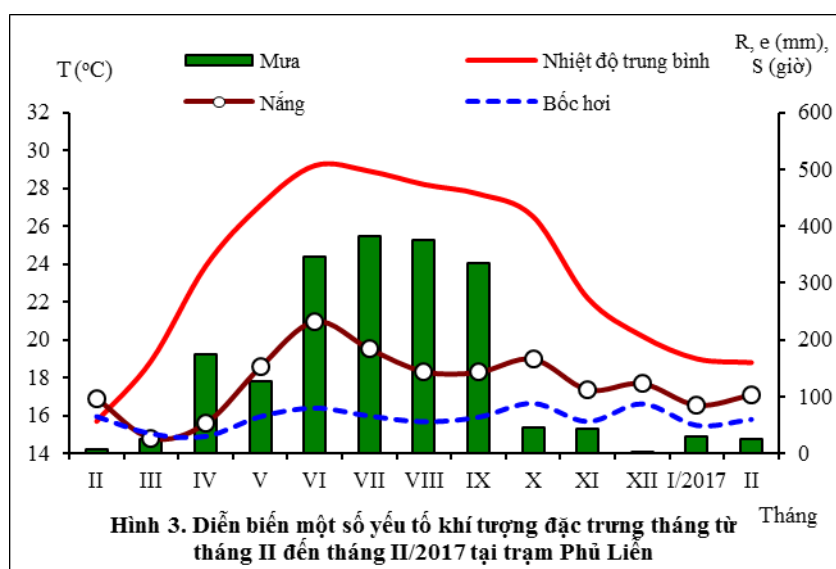
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,5 đến 2,6⁰C); có giá trị dao động từ 12,5⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 19,5⁰C (Phù Liễn) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 19,5⁰C đến 24,2⁰C giá trị nhiệt độ cao nhất là 30,7⁰C xảy ra vào ngày 22/II tại Cao Bằng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,5⁰C đến 17,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 6,2⁰C xảy ra vào ngày 14/II tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng II/2017 dao động phổ biến từ 4mm đến 53mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-34mm đến 18mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 3 đến 50mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Phù Liễn

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 20 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21 giờ đến 58 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 54 giờ đến 105 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 70 đến 85%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -10% đến -2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 24% xảy ra vào ngày 21/II tại Móng Cái.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 46mm đến 89mm, cao nhất là 87mm tại Bãi Cháy. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (từ 27mm đến 78mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 7mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 ngày ở một số nơi trong vùng.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 19,2⁰C đến 20,1⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 2,1⁰C đến 3,6⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 21,2⁰C đến 23,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 29,4⁰C xảy ra vào các ngày 22/II tại Sơn Tây;

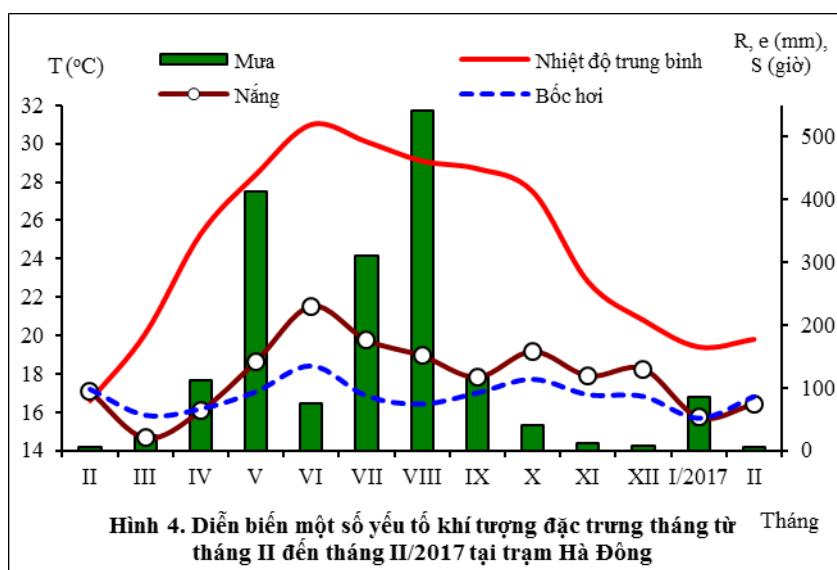
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 17,0⁰C đến 18,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,3⁰C xảy ra vào ngày 3/II tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng thấp, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -31mm đến -10mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 3mm đến 24mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 24mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 25 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Hà Đông

- Tổng số giờ nắng tháng II/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 70 giờ đến 132 giờ; có giá trị ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 13 giờ đến 84 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -14% đến -5%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 13/II tại Phủ Lý.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 99mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 40mm đến 81mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

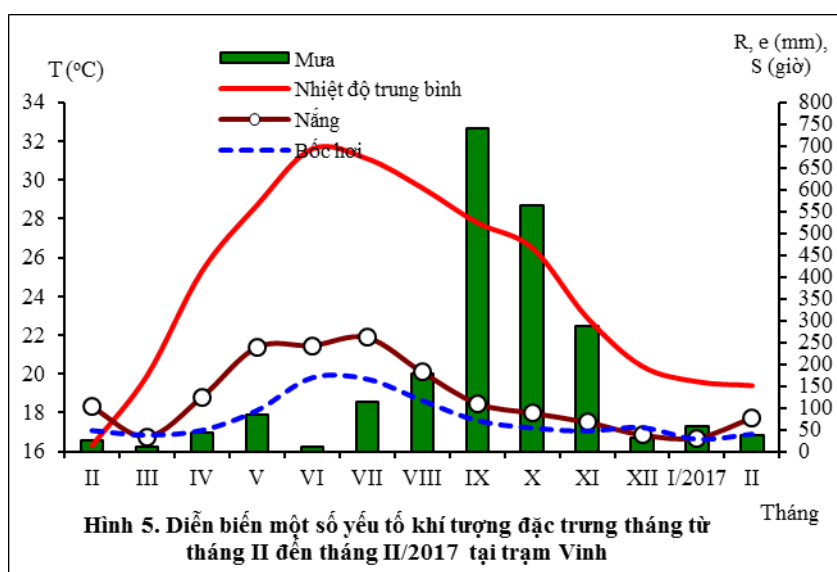
- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 4 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,1⁰C đến 2,2⁰C (hình 10) và có giá trị từ 18,7⁰C đến 20,2⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 21,1⁰C đến 25,2⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,7⁰C xảy ra vào ngày 20/II tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 16,1⁰C đến 17,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,5⁰C xảy ra vào ngày 13/II tại Tây Hiếu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 1mm đến 95mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-34mm đến 20mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 đến 23mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 21 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 58 đến 111 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 5 giờ đến 44 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 13/II tại Thanh Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 26mm đến 70mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-68mm đến 63mm).

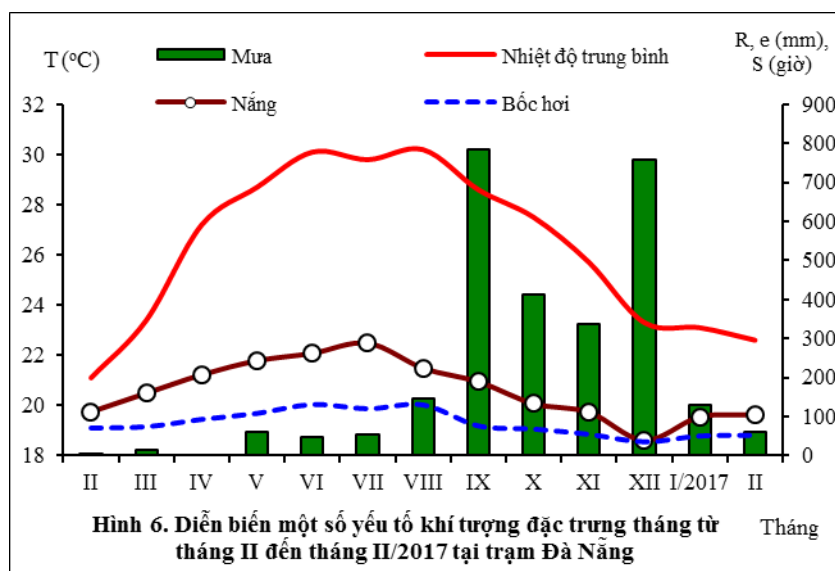
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn là 1 đến 7 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2017 từ 18,0⁰C đến 22,6⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,7⁰C đến 1,2⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 22,3⁰C đến 26,3⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,9⁰C xảy ra vào ngày 23/II tại Ba Tư.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 15,1⁰C đến 20,5⁰C, giá

trị nhiệt độ thấp nhất là $11,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/II tại A Luoi.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng II/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 32mm đến 318mm. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 14mm đến 280mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 82mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 19 ngày, số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 75 giờ đến 128 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-75 giờ đến 28 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 20/II tại Khe Sanh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 25mm đến 52mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-292mm đến -53mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 ngày ở một số khu vực.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2017 từ $22,8^{\circ}\text{C}$ đến $26,1^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,4^{\circ}\text{C}$ đến $0,9^{\circ}\text{C}$, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,8^{\circ}\text{C}$ đến $26,1^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $33,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 27/II tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $20,5^{\circ}\text{C}$ đến $23,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $16,1^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 7/II tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 4mm đến 146mm, một số khu vực không mưa như Phan Thiết, Hàm Tân. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 20mm đến 124mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2017 đến tháng II/2017 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

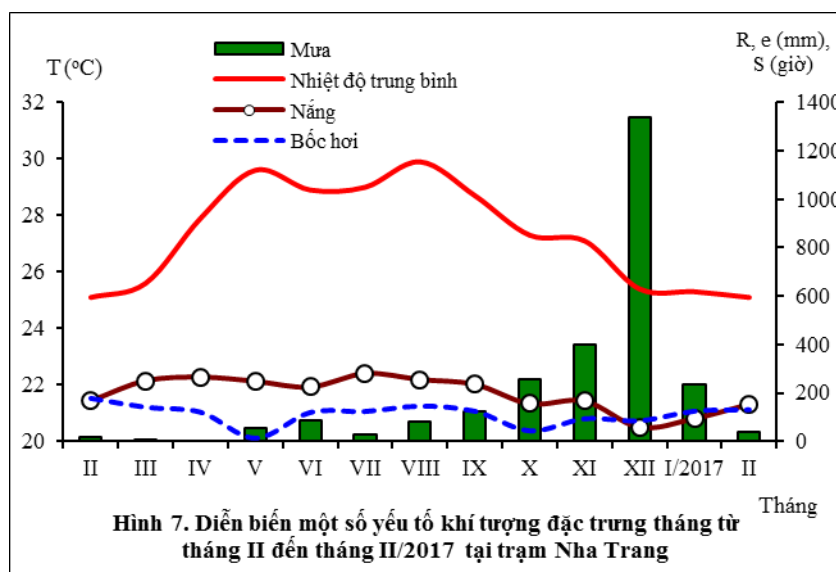
- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 67mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 23 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 138 giờ đến 229 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-79 giờ đến -34 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -2% đến -2%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 36% xảy ra vào ngày 6/II tại Quy Nhơn.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Nha Trang

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 53mm đến 144mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm, Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (từ -81mm đến 109mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2017 từ 16,8⁰C đến 24,1⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,6⁰C đến 0,7⁰C, hình 10).

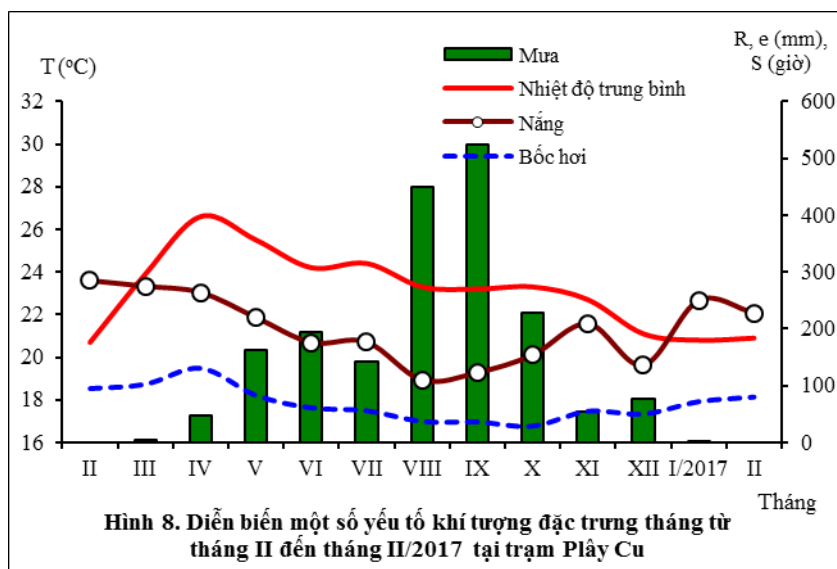
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,4⁰C đến 29,6⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,1⁰C xảy ra vào ngày 22/II tại Kon Tum.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,7⁰C (Đà Lạt) đến 20,5⁰C,

giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,6⁰C xảy ra vào ngày 7/II tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2017 dao động từ 12mm đến 99mm, cao nhất là 152mm tại Bảo Lộc, một số khu vực không có mưa hoặc lượng mưa không đáng kể như Plây Cu, Kon Tum... Ở những khu vực có mưa, lượng mưa cao hơn giá trị TBNN (từ 10mm đến 106mm).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Plây Cu

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3mm đến 45mm. Số ngày mưa các nơi có mưa trong vùng phổ biến từ 1 đến 14 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 24 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2017 phổ biến từ 112 giờ đến 244 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-58 giờ đến -30 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -2% đến 6%), có giá trị phổ biến từ 66% đến 86%; độ ẩm không khí thấp nhất là 18% xảy ra vào ngày 6/II tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 43mm đến 145mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-89mm đến 145mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày.

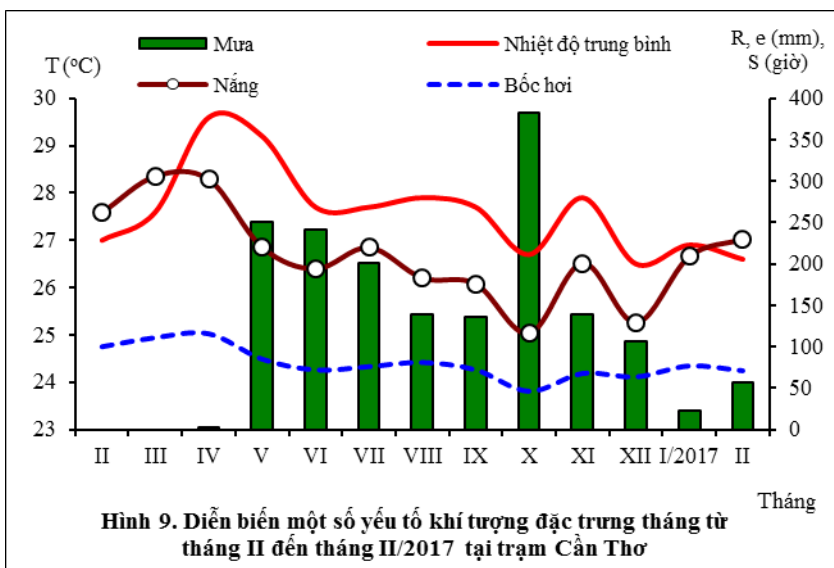
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2017 từ 25,5⁰C đến 28,4⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,6⁰C đến 33,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,1⁰C xảy ra vào ngày 27/II tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,3⁰C đến 26,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,8⁰C xảy ra vào ngày 13/II tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II/2016 đến tháng II/2017 tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2017 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng II/2017 phổ biến từ 12mm đến 66mm, cao nhất là 381mm tại Cao Lãnh, duy nhất khu vực Vũng Tàu cả tháng không có mưa. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 12mm đến 60mm, cao nhất là Cao Lãnh (379mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 1mm đến 40mm.

- Ở những nơi có mưa trong vùng, số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2017 phổ biến từ 170 giờ đến 240 giờ; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-76 giờ đến -30 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% đến 80%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 4%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 11/II tại Biên Hòa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 120mm, (hình 14);

lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 10mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng (30mm đến 106mm) ngoại trừ Cao Lãnh lượng mưa cao hơn bốc hơi 317mm.

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 2 – 6 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 5 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2017

Điều kiện KTNN tháng II/2017 ở nhiều vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 0,5 đến 3,6°C, tổng lượng mưa tháng quá ít hoặc không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao gây tình trạng thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Bắc liên tiếp xuất hiện các đợt không khí lạnh tăng cường vào trung tuần tháng II và đầu tháng III làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ đông xuân 2016-2017. Ở các tỉnh phía Nam, tình trạng thiếu nước và các đợt xâm nhập mặn cũng gây không ít khó khăn cho bà con nông dân, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Sản xuất nông nghiệp tháng II tập trung chủ yếu vào việc gieo cấy vụ đông xuân, thu hoạch các cây vụ đông, chăm sóc bón phân, phòng trừ sâu bệnh và giữ nước cho diện tích lúa đông xuân sớm đã gieo cấy ở các tỉnh Miền Bắc. Các tỉnh phía Nam đã kết thúc gieo cấy lúa vụ đông xuân, chăm sóc lúa chính vụ và thu hoạch các trà đông xuân sớm, đồng thời tranh thủ làm đất gieo trồng các loại cây màu vụ xuân, cây công nghiệp ngắn ngày và rau đậu các loại. Tính đến cuối tháng II, cả nước đã gieo cấy được 2849 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 8,5% so cùng kỳ năm trước. trong đó các tỉnh miền Bắc gieo cấy đạt 932,3 nghìn ha, bằng 130,6% cùng kỳ, các tỉnh phía Nam đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa đông xuân đạt tổng diện tích 1917,1 nghìn ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Trên các trà lúa chiêm xuân sớm ở Miền Bắc xuất hiện rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen, đạo ôn. Lúa đông xuân ở Miền Nam đang ở giai đoạn làm đòng, trổ và chín, sâu bệnh xuất hiện phổ biến là rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá.

1. Tình hình trồng trọt

a. Đối với cây lúa

Các tỉnh miền Bắc: Hoạt động trọng tâm trong tháng là tập trung chăm sóc, thu hoạch cây vụ đông năm 2016/2017; tích cực chuẩn bị giống, phân bón, nước tưới phục vụ gieo trồng vụ đông xuân năm 2017. Tính đến cuối tháng, diện tích gieo cấy lúa đông xuân đạt 932,3 nghìn ha, bằng 130,6% cùng kỳ. Do thời tiết đầu vụ Đông xuân tương đối thuận lợi, số ngày có nắng nhiều, nguồn nước đủ, bà con nông dân chủ động làm đất và gieo cấy lúa sớm nên tiến độ gieo trồng nhanh hơn cùng kỳ: Các tỉnh vùng ĐB Sông Hồng tăng 40% so, các tỉnh Trung du và MN phía Bắc tăng 33% và các tỉnh Bắc Trung Bộ tăng 19%. Hiện các địa phương tiếp tục đẩy nhanh tiến độ gieo cấy đảm bảo trong khung thời vụ; tập trung chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho diện tích mạ đã gieo, lúa đã cấy. Hiện nay cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, nhưng tại một số địa phương đã xuất hiện rải rác sâu bệnh gây hại trên cây trồng như: sâu đục thân 2 chấm, sâu cuốn lá nhỏ trên lúa Đông xuân sớm, sâu xanh, bướm trắng trên cây rau... Tuy nhiên, tình hình sâu bệnh trên đã được bà con nông dân kịp thời phát hiện, phòng trừ nên khả năng không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

Hiện nay Miền Bắc đang là giữa mùa đông, thời tiết nắng ấm, nền nhiệt cao hơn TBNN thuận lợi cho bà con nông dân thu hoạch các cây trồng vụ đông và giải phóng đất để sản xuất vụ đông xuân. Tuy nhiên, do tình trạng ít mưa kéo dài, nhiều khu vực độ ẩm không khí tuyệt đối xuống dưới 30%, lượng bốc hơi cao làm cạn kiệt các nguồn nước đã ảnh hưởng đến tiến độ làm đất, gieo cấy lúa đông xuân, diện tích mạ đã gieo sinh trưởng chậm.

Các tỉnh miền Nam: Tình trạng ít mưa vẫn tiếp tục kéo dài ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Nam Bộ, đặc biệt có những khu vực cả tháng không có mưa như Phan Thiết, Pleiku, Kon Tum, Vũng Tàu, và nhiều khu vực lượng mưa tháng dưới 10mm. Hầu hết các khu vực từ Nam Trung Bộ trở vào tổng lượng mưa tháng thấp hơn lượng bốc hơi từ 30 đến 145mm đã gây những trở ngại lớn cho sản xuất lúa vụ đông xuân.

Hiện nay, nhiều địa phương ở vùng đồng bằng Nam Bộ đã dứt điểm xuống giống lúa đông xuân. Diện tích lúa đông xuân đạt tổng diện tích 1917,1 nghìn ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐB sông Cửu Long xuống

giống đạt 1538,2 ngàn ha, bằng 99,1% cùng kỳ. Hiện lúa đông xuân phát triển tốt, những trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, số ít trong giai đoạn ngâm sữa, chuẩn bị trổ. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích lúa Đông xuân đã cho thu hoạch đạt 462,7 nghìn ha, chiếm 30% diện tích xuống giống, năng suất ước đạt 55 tạ/ha.

b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tiến độ gieo trồng các loại cây rau màu vụ đông xuân nhìn chung chậm hơn cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng, các địa phương trong cả nước đã gieo trồng 371,7 ngàn ha cây màu lương thực các loại, bằng 96,8% cùng kỳ năm trước. Các cây trồng chính gồm có: Ngô đạt 239,4 ngàn ha, khoai lang đạt 47 ngàn ha, sắn đạt 80,9 ngàn ha. Các cây công nghiệp ngắn ngày diện tích đạt 162,3 ngàn ha, bằng 87,2% cùng kỳ năm trước, trong đó: Cây đậu tương đạt 21,3 ngàn ha, cây lạc đạt 79,8 ngàn ha. Tổng diện tích rau, đậu đạt 374,9 ngàn ha, bằng 98,8% cùng kỳ năm trước. Diện tích rau màu giảm, chủ yếu ở vụ đông do hiệu quả kinh tế thấp, thời tiết những ngày đầu gieo trồng cây vụ Đông không thuận lợi, mưa bão nhiều, có những loại cây phải trồng đi trồng lại. Khi thời tiết thuận lợi thì một số cây như đậu tương, lạc lại hết thời vụ gieo trồng.

Chè ở Mộc Châu và Phú Hộ đang trong thời kỳ chè lớn nảy chồi, ở Ba Vì đang trong thời kỳ lá thật thứ nhất, do thời tiết khô hanh, ít mưa nên trạng thái sinh trưởng từ xấu đến trung bình.

Ở Bắc Trung Bộ: lạc, đang trong thời kỳ lá thật thứ 3, đậu tương nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1)

Cà phê ở Tây Nguyên, Xuân Lộc đang trong thời kỳ nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình đến tốt (bảng 1).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng II/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Văn Chấn	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
2		Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Xấu	Rất khô
3		Điện Biên	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
4		Tuyên Quang	Lúa xuân đẻ nhánh	khá	ẩm
5	Đông Bắc	Bắc Giang	Cây lúa chiêm	Khá	3 cm
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ		
7		Uông Bí	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm

8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn nảy chồi	TB	TB
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Tương đối khô
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân BRHX	Khá	4 cm
11		Hải Dương	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm
12		Hung Yên	Lúa xuân cấy	Khá	ẩm
13		Hoài Đức	Lúa xuân lá thứ 3	Khá	Âm
14		Thái Bình	Lúa chiêm cấy	khá	3 cm
15		Nam Định	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	10 cm
16		Ninh Bình	Lúa xuân cấy	TB	3 cm
17	Duyên hải Miền Trung	Thanh Hóa	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
18		Yên Định	Lạc lá thứ 3 Đậu tương mọc mầm	TB	TB
19		Đô Lương	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3 cm
20		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
21	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê nở hoa	Tốt	Tương đối khô
22		An Nhơn	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB	3 cm
23	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê nở hoa	TB	ẩm
24		Mỹ Tho	Lúa mùa mọc dón	TB	3 cm
25		Tuy Hoà	Lúa xuân mọc dón	Khá	3 cm
26		Bạc Liêu	Chuyên vụ		
27		Trà Nóc	Lúa xuân ngâm sữa	khá	3cm

2. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật trong tháng II một số đối tượng dịch hại trên cây lúa giảm so với cùng kỳ năm trước, điển hình diện tích lúa bị chuột hại giảm 4.402 ha, đạo ôn lá hại lúa giảm 4.631 ha, rầy nâu hại lúa giảm 16.844 ha, sâu cuốn lá nhỏ hại lúa giảm 8.371 ha. Bên cạnh đó một vài dịch có dấu hiệu tăng so với cùng kỳ như: Lem lép hạt hại lúa tăng 2.276 ha, diện tích lúa bị ốc bươu vàng hại 8.880 ha, tăng 2034 ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích nhiễm nặng là 302 ha, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Phía Bắc, Miền Trung, ĐBSCL.

- Chi tiết một số loại dịch chính trên lúa phát sinh trong tháng như sau:
- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 7.215 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
 - Chuột: Tổng diện tích hại 8.920,1 ha, nặng 66,6 ha. Chuột hại tại các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
 - Đạo ôn cổ bông: Hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 6.356 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 25 ha.
 - Đạo ôn lá: Hại chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 32.405 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 150ha.
 - Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 15.042 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 215 ha tập trung tại đồng bằng sông Cửu Long.
 - Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 29.757 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 443 ha. Tập trung chủ yếu tại đồng bằng sông Cửu Long.
 - Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 6.944 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 1 ha.
 - Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 2788 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 23 ha. Sâu non gây hại chủ yếu tại đồng bằng sông Cửu Long.
 - Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 8.880 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 302 ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Phía Bắc, Miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long.
 - Sâu năn hại lúa: Sâu hại chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với diện tích 46.213 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng 23.822 ha.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III, IV và V/2017

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo cho thấy, nhiệt độ mùa III-V/2017 có khả năng thấp hơn TBNN từ 0,5°C đến 1,5°C ở phần lớn diện tích phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra), với xác suất từ 55 đến trên 77%. Nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ 0,5 đến 1,5oC ở Tây Bắc và phía Nam (từ Quảng Bình trở vào), với xác suất từ 55 đến trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Kết quả dự báo cho thấy, lượng mưa mùa III-V/2017 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 400mm trên hầu khắp diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến lớn hơn 77%

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Đặc biệt, KKL về kết hợp với mưa phùn ở phía Bắc có thể gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân;

Khô hạn: Thời kỳ từ tháng III đến V là mùa khô ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Do vậy, các khu vực này cần có các giải pháp sản xuất và sinh hoạt phù hợp với điều kiện khô và thiếu nước. Đặc biệt là khu vực Nam Bộ, cần đề phòng điều kiện khô hạn kết hợp với xâm nhập mặn

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng II/2017, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng III/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng III, IV và tháng V/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường chăm sóc và có các biện pháp phòng chống rét bảo vệ lúa xuân, chống rét cho gia súc, gia cầm nhất là trâu, bò mà đặc biệt chú trọng là ở các tỉnh vùng cao.

- Chuẩn bị các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.

- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn, lấy nước vào hồ chứa, đồng ruộng để chuẩn bị đổ ải và tưới dưỡng cho lúa.

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam:

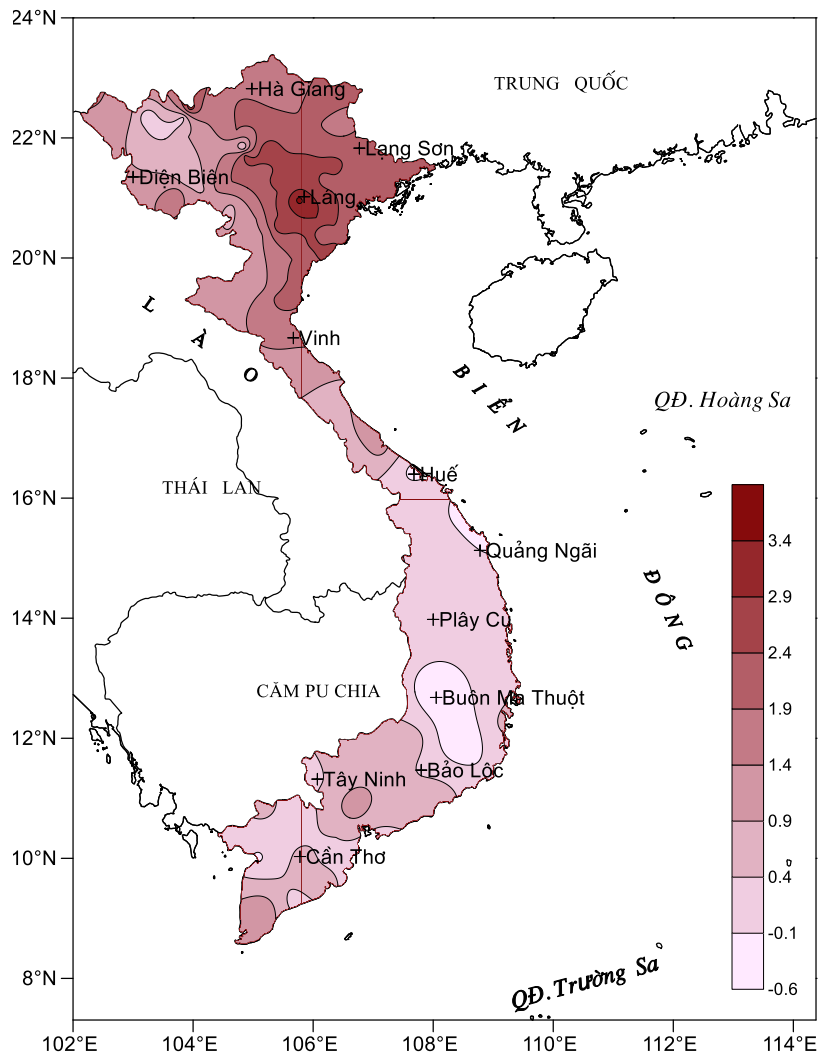
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn.

- Chăm sóc lúa vụ đông xuân.

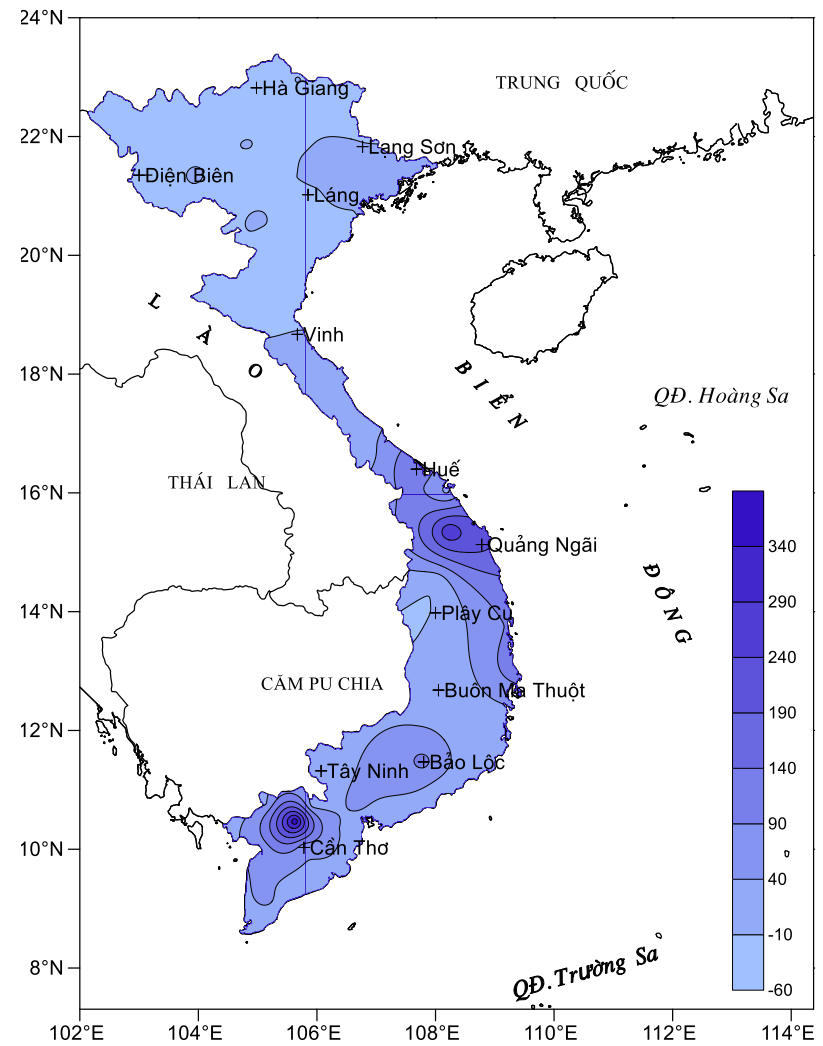
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa và ngăn chặn dịch rầy nâu ở đồng bằng sông Cửu Long.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

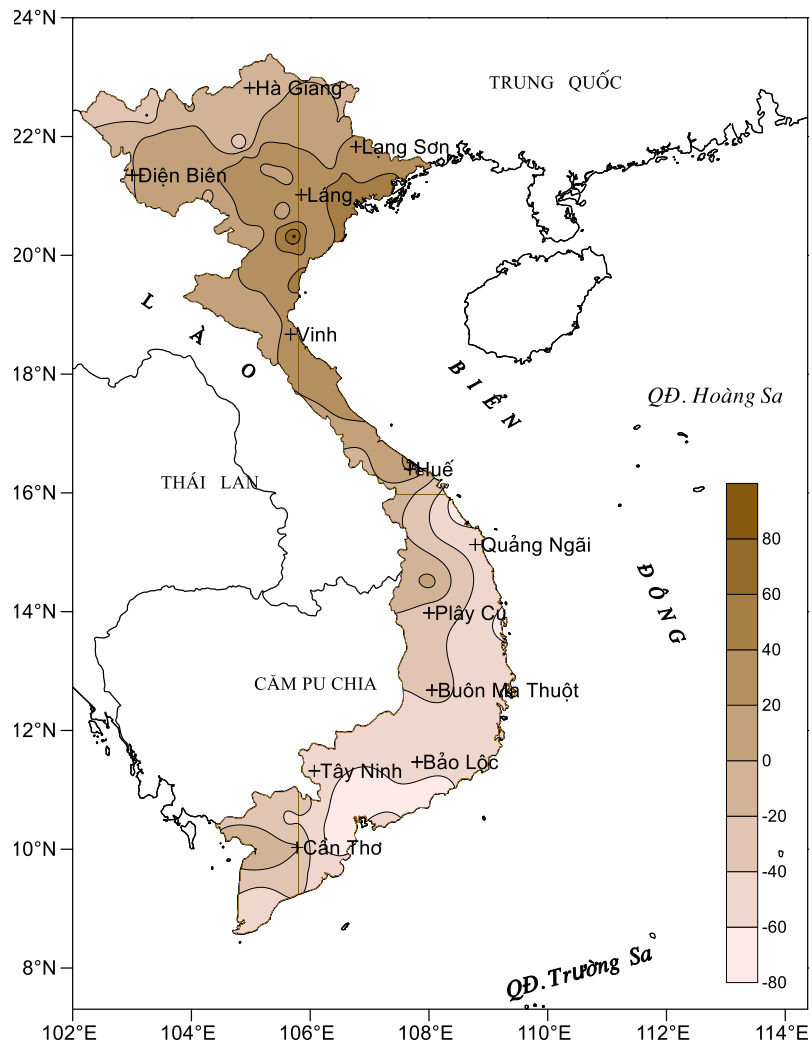
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng III, IV, V/2017;
2. <http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 3 năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng II năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



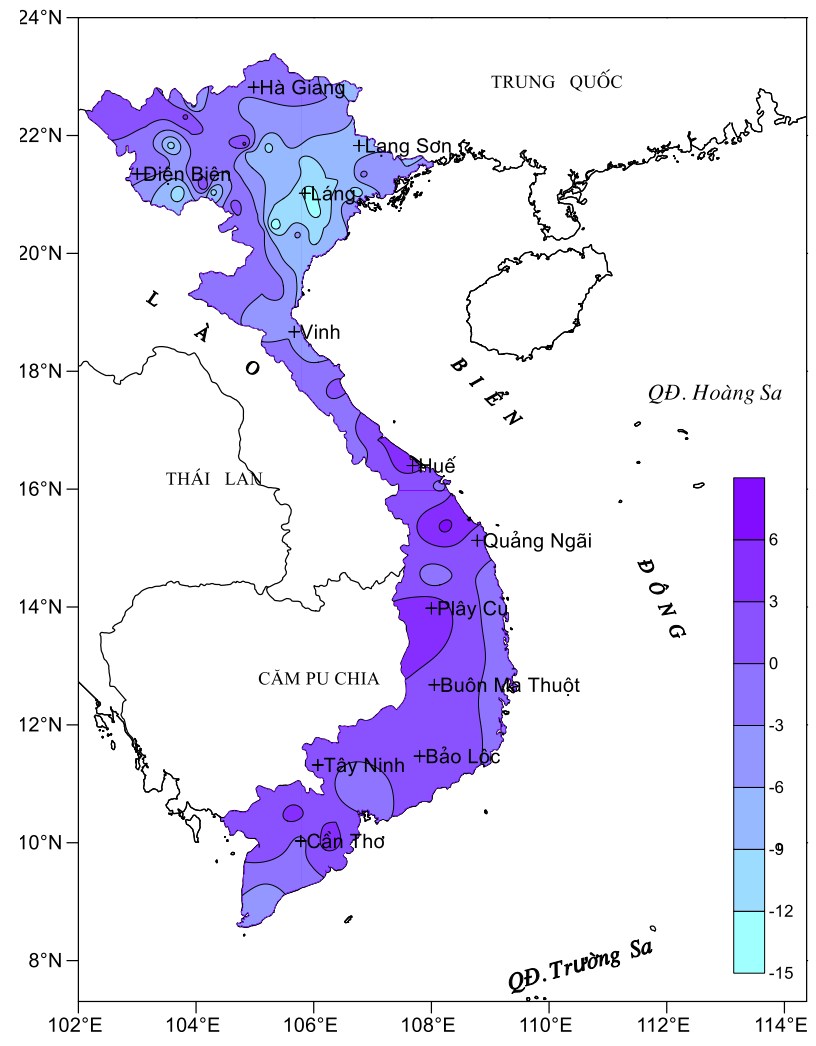
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng II/2017 so với TBNN (°C)



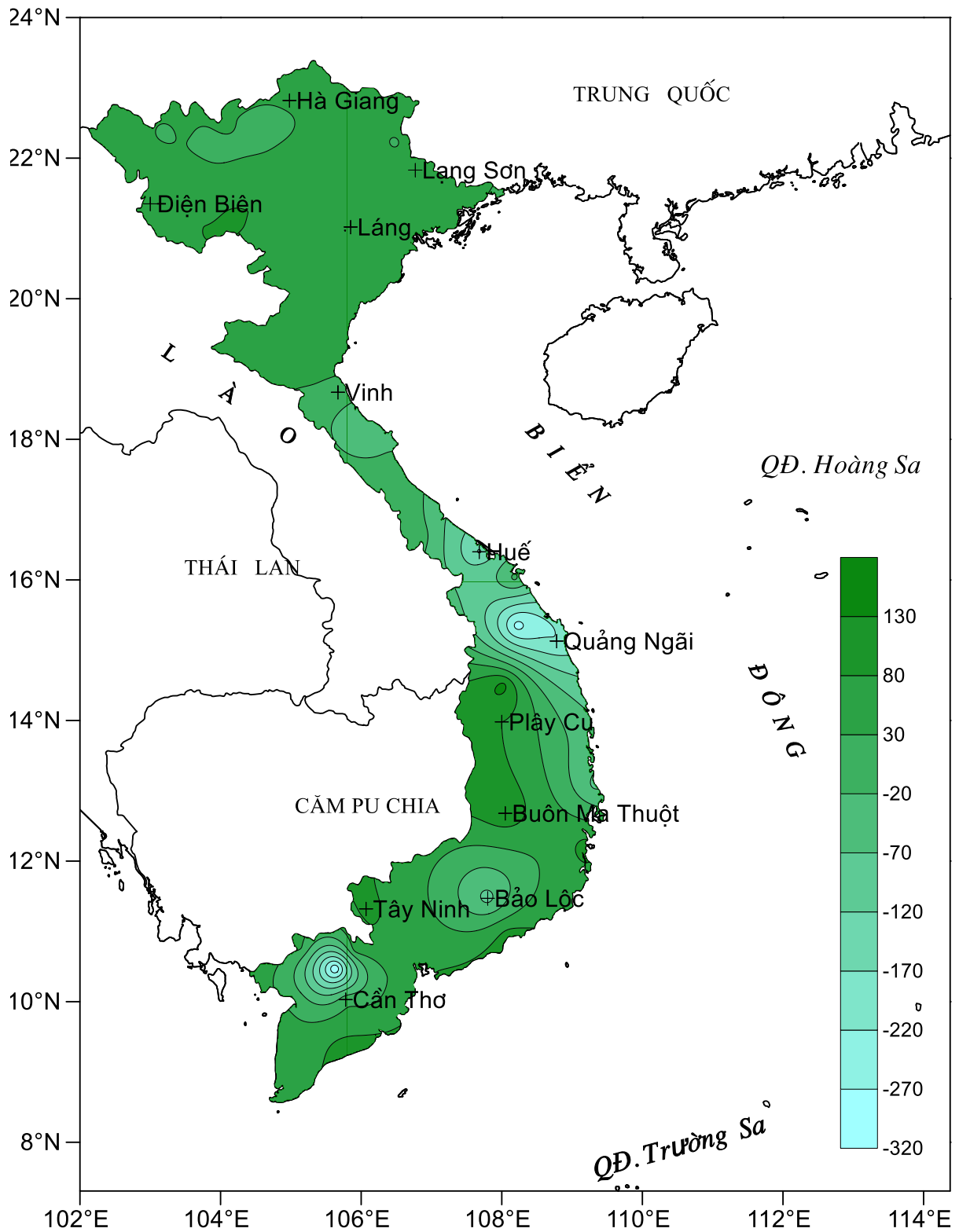
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng II/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng II/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng II/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng II/2017 (mm)